

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Dũng và bà Nguyễn Thị Kiều Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Bửu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thúy A (M), sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ A, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984; nơi thường trú: Tổ A, Đường L, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: Số A T, tổ B, khu phố C, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Phạm Thị Thúy A trình bày: Năm 2012, chị Thúy A và anh L do tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46/2012 ngày 10/4/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại phường L, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ tháng 10 năm 2013 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị **A** và anh **L** có 01 (một) người con chung tên **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 26/02/2013, hiện cháu **K** đang sống cùng với chị **A**. Sau khi ly hôn chị **A** yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu **K** và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 180/TB-TLVA ngày 21/3/2024 và các văn bản tố tụng khác cho anh **Nguyễn Văn L** theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng đến nay, anh **L** không tham gia tố tụng và cung cấp văn bản ý kiến của mình cho Tòa án.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ: Xác minh mối quan hệ hôn nhân và gia đình tại **khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang**; xác minh nơi cư trú của anh **L** tại **Công an phường L, thị xã T và Công an phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh** (Công an phường T chưa phúc đáp); ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu **Nguyễn Minh K** cụ thể:

- Ban **khóm L, phường L** cho biết: Anh **L** và chị **A** là vợ chồng, cùng đăng ký thường trú tại **khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang** (cùng hộ với ông **Nguyễn Văn C** là cha ruột ông **L**). Hiện nay, vợ chồng anh **L** và chị **A** không còn sinh sống tại địa phương do đi làm xa, đi làm ở đâu thì địa phương không rõ. Về mâu thuẫn giữa anh **L** và chị **A** như thế nào thì địa phương không biết. Anh **L** và chị **A** có 01 con chung tên **Nguyễn Minh K**, hiện nay cháu **K** không sinh sống tại địa phương.

- Cháu **Nguyễn Minh K** trình bày: Cháu tên **Nguyễn Minh K**, cha tên **Nguyễn Văn L**, mẹ tên **Phạm Thị Thúy A**, cháu chuẩn bị vào lớp 6. Hiện cháu đang sống cùng mẹ, chi tiêu hàng ngày do mẹ lo cho cháu. Nếu cha, mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ.

- **Công an phường L, thị xã T, tỉnh An Giang** cung cấp thông tin như sau: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1984; nơi thường trú: **Tổ A, Đường L, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang**; nơi tạm trú: **Số A T, tổ B, khu phố C, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh**.

Tại phiên tòa, chị **A** kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh **L** và yêu cầu được nuôi dạy con chung tên **K**, không yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn vắng mặt tại các buổi họp và làm việc của Tòa án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Phạm Thị Thúy A** với anh **Nguyễn Văn L**.

- Về con chung: Chị **A** được nuôi dưỡng con chung tên **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 26/02/2013; anh **L** không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị **A** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*\* Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị **Phạm Thị Thúy A** khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh **Nguyễn Văn L**. Anh **L** có nơi thường trú **khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang**. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh **Nguyễn Văn L** được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*\* Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị **Thúy A** và anh **L** do tự tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường L**, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 46/2012 ngày 10/4/2012 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị **A** và anh **L** là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị **A** khai, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và sống xa nhau từ tháng 10 năm 2013 cho đến nay. Nhận thấy, hạnh phúc vợ chồng không còn nên chị **A** kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh **L**.

Theo kết quả xác minh tại **ban K1**: Hiện nay, vợ chồng anh **L** và chị **A** không còn sinh sống tại địa phương do đi làm xa, đi làm ở đâu thì địa phương không rõ. Về mâu thuẫn giữa anh **L** và chị **A** như thế nào thì địa phương không biết.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Vợ chồng anh **L** và chị **A** đã sống xa nhau gần một năm nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh **L** và chị **A** hàn gắn tình cảm, nhưng anh **L** vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng anh **L** và chị **A** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị **A** ly hôn với anh **L** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh **L** và chị **A** có 01 (một) người con chung tên 01 (một) người con chung tên **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 26/02/2013. Hiện cháu **K** đang sống cùng chị **A**. Sau khi ly hôn chị **A** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **K** và không yêu cầu ông **L** cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu **K** có nguyện vọng sống chung với chị **A**.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu **K**, cuộc sống của cháu cũng ổn định. Xét, giao cháu **K** cho chị **A** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chị **A** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh **L** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **A** khai, không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí, chị **A** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp. Anh **L** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và*

*Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thị Thúy A**.

Chị **Phạm Thị Thúy A** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn L**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2012 do Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang cấp ngày 10 tháng 4 năm 2012 cho chị **Phạm Thị Thúy A** và anh **Nguyễn Văn L** không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Chị **Phạm Thị Thúy A** được tiếp tục nuôi dạy con chung tên **Nguyễn Minh K**, sinh ngày 26/02/2013 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh **L** không phải cấp nuôi con chung.

Chị **A** cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh **L** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí: Chị **Phạm Thị Thúy A** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007762 ngày 19/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chị **A** đã nộp đủ án phí.

Anh **Nguyễn Văn L** không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị **A** có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của anh **L** là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Dương**